

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

**Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào
ngày 30 tháng 6 năm 2012**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 1 – 2 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 3 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| Bảng cân đối kế toán | 4 – 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 10 – 22 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004698 (Mã số doanh nghiệp: 0301121128) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 09 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 10 năm 2011 (thay đổi người đại diện pháp luật).

Văn phòng của Công ty được đặt tại 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa; dịch vụ giữ xe hai bánh.

Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ký ngày 16 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

Và ngày 17 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong suốt kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

| | |
|-----------------------|------------|
| Ông Phạm Văn Thông | Chủ tịch |
| Bà Chu Thị Tuyết Hạnh | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Tiến | Thành viên |
| Ông Bùi Việt | Thành viên |
| Ông Kiều Nam Thành | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|-------------------|
| Ông Kiều Nam Thành | Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Văn Phương | Phó Tổng Giám đốc |

Ban kiểm soát

| | |
|----------------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Văn Thành | Trưởng Ban kiểm soát |
| Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ | Thành viên |
| Bà Trương Nguyễn Thiên Kim | Thành viên |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Ông PHẠM VĂN THÔNG
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2012

Số : 00342 HCM/48.12 (sx)

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 của
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính gồm : Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây (gọi tắt là “Công ty”), được trình bày từ trang 04 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở của công tác soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết quả của công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

| | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 36.108.570.916 | 44.712.893.403 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 24.997.039.294 | 20.350.140.898 |
| Tiền | 111 | | 1.497.039.294 | 2.350.140.898 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 23.500.000.000 | 18.000.000.000 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 5.000.000.000 | 21.000.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn | 121 | 4.2 | 5.000.000.000 | 21.000.000.000 |
| Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| Các khoản phải thu | 130 | | 5.642.927.187 | 2.541.822.527 |
| Phải thu khách hàng | 131 | 4.3 | 2.070.885.438 | 595.889.255 |
| Trả trước cho người bán | 132 | 4.4 | 3.214.651.749 | 1.319.775.417 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 135 | 4.5 | 357.390.000 | 626.157.855 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | 4.6 | 128.389.500 | 65.425.500 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 128.389.500 | 65.425.500 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 340.214.935 | 755.504.478 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 4.7 | 80.963.635 | - |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | - |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | | - | 571.162.478 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 4.8 | 259.251.300 | 184.342.000 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

| | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|---|------------|----------------|-----------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 54.822.545.519 | 40.742.685.386 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 213 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 12.946.313.115 | 14.208.802.982 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.9 | 12.522.770.143 | 13.863.841.802 |
| Nguyên giá | 222 | | 32.149.533.769 | 31.691.321.151 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (19.626.763.626) | (17.827.479.349) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.10 | 179.930.361 | 113.027.857 |
| Nguyên giá | 228 | | 2.870.473.390 | 2.757.173.390 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.690.543.029) | (2.644.145.533) |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 4.11 | 243.612.611 | 231.933.323 |
| Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| Nguyên giá | 241 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | - | - |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 4.12 | 41.876.232.404 | 26.533.882.404 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 11.876.232.404 | 7.533.882.404 |
| Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 30.000.000.000 | 19.000.000.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 259 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 90.931.116.435 | 85.455.578.789 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

| | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 16.002.282.914 | 24.067.628.060 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 14.259.226.978 | 22.522.700.456 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 311 | | - | - |
| Phải trả cho người bán | 312 | 4.13 | 404.957.121 | 1.102.657.190 |
| Người mua trả tiền trước | 313 | | - | - |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 314 | 4.14 | 2.784.554.195 | 1.985.153.377 |
| Phải trả công nhân viên | 315 | | 4.849.410.501 | 6.934.049.781 |
| Chi phí phải trả | 316 | 4.15 | 5.004.829.069 | 2.829.318.200 |
| Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 4.16 | 1.185.721.002 | 7.975.216.818 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 323 | 4.17 | 29.755.090 | 1.696.305.090 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | 1.743.055.936 | 1.544.927.604 |
| Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 333 | 4.18 | 1.743.055.936 | 1.402.684.081 |
| Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | 54.522.570 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | 87.720.953 |
| Quỹ phát triển khoa học công nghệ | 339 | | - | - |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 74.928.833.521 | 61.387.950.729 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.19 | 74.928.833.521 | 61.387.950.729 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 17.605.530.111 | 17.605.530.111 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 2.561.620.134 | 2.561.620.134 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 29.761.683.276 | 16.220.800.484 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | - |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 90.931.116.435 | 85.455.578.789 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

| CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | Thuyết minh | 30/06/2012 | 01/01/2012 |
|---|----------------|-------------------|-------------------|
| Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi | | - | - |
| Nợ khó đòi đã xử lý (VND) | | 2.446.000 | - |
| Ngoại tệ các loại (USD) | | - | - |
| Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
Kế toán trưởng

KIỀU NAM THÀNH
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

| | Mã số | Thuyết minh | 6 tháng đầu 2012 VND | 6 tháng đầu 2011 VND |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 35.307.301.951 | 22.895.157.581 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần | 10 | 5.1 | 35.307.301.951 | 22.895.157.581 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | | 18.206.222.651 | 10.837.827.216 |
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 17.101.079.300 | 12.057.330.365 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.2 | 4.105.223.592 | 3.246.974.019 |
| Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | - |
| Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 3.906.599.524 | 3.227.236.309 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 17.299.703.368 | 12.077.068.075 |
| Thu nhập khác | 31 | 5.3 | 605.931.151 | 441.749.614 |
| Chi phí khác | 32 | | 640.222 | 504.723 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 605.290.929 | 441.244.891 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 17.904.994.297 | 12.518.312.966 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 5.4 | 4.364.111.505 | 3.029.971.298 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 13.540.882.792 | 9.488.341.668 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 5.5 | 5.416 | 3.795 |

ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN

Kế toán trưởng

KIỀU NAM THÀNH

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

| | Mã số | 6 tháng đầu 2012 VND | 6 tháng đầu 2011 VND |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và kinh doanh khác | 01 | 34.279.676.515 | 23.026.701.958 |
| Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (3.903.312.310) | (428.145.632) |
| Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (13.638.553.909) | (10.248.495.640) |
| Tiền chi trả lãi vay | 04 | - | - |
| Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (3.646.473.948) | (2.578.804.636) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 13.927.879.476 | 23.181.818.212 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (19.028.739.821) | (28.235.800.818) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 7.990.476.003 | 4.717.273.444 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (637.651.199) | (6.295.022.741) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác | 22 | - | - |
| Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (27.642.350.000) | (2.000.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác | 24 | 28.300.000.000 | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (31.500.000.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | 32.500.000.000 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 4.105.223.592 | 3.246.974.019 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 4.125.222.393 | (4.048.048.722) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu | 32 | - | - |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | - | - |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | - | - |
| Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (7.468.800.000) | (7.051.348.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (7.468.800.000) | (7.051.348.500) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ | 50 | 4.646.898.396 | (6.382.123.778) |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ | 60 | 20.350.140.898 | 9.301.863.225 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ | 70 | 24.997.039.294 | 2.919.739.447 |

ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
Kế toán trưởng

KIỀU NAM THÀNH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004698 (Mã số doanh nghiệp: 0301121128) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 09 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 10 năm 2011 (thay đổi người đại diện pháp luật).

Văn phòng của Công ty được đặt tại 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa; dịch vụ giữ xe hai bánh.

Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ký ngày 16 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

Và ngày 17 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 170 người (vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, tổng số nhân viên của Công ty là 161 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

| | |
|--------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 20 năm |
| Máy móc thiết bị | 03 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải | 03 - 10 năm |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |

3.5 Tài sản cố định vô hình

Giá trị thương hiệu “Miền Tây” và phần mềm máy tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

3.7 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

3.8 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.9 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi kết quả của việc cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng không xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia.

3.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

3.11 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

| Công ty | Địa điểm | Quan hệ |
|---|----------|-----------------------------------|
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn | TP.HCM | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Quận 8 | TP.HCM | Cùng Công ty mẹ |
| Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng và Giao Thông Mê Kông | TP.HCM | Cùng Công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn | TP.HCM | Cùng Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines | TP.HCM | Công ty liên doanh với Công ty mẹ |
| Công ty Ô Tô Isuzu Việt Nam | TP.HCM | Công ty liên kết với Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây | TP.HCM | Công ty liên kết |

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt tồn quỹ - VND | 841.006.560 | 1.246.899.199 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND | 656.032.734 | 1.103.241.699 |
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND | 23.500.000.000 | 18.000.000.000 |
| | 24.997.039.294 | 20.350.140.898 |

4.2 Đầu tư ngắn hạn

| | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|--|----------------------|-----------------------|
| Cho Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn vay | - | 2.000.000.000 |
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm | - | 14.000.000.000 |
| Công ty TNHH quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| | 5.000.000.000 | 21.000.000.000 |

Khoản đầu tư ngắn hạn vào Công ty TNHH quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á là giá trị ủy thác đầu tư theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 21/2011/HĐ/QLDM/DAC ngày 04 tháng 12 năm 2011, thời gian ủy thác là kể từ khi hợp đồng này có hiệu lực đến ngày 04 tháng 10 năm 2012.

4.3 Các khoản phải thu thương mại

| | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Phải thu thương mại – bên liên quan | 56.323.351 | - |
| Phải thu thương mại – bên thứ ba | 2.014.562.087 | 595.889.255 |
| | 2.070.885.438 | 595.889.255 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

| 4.4 | Trả trước cho người bán | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|-----|---|----------------------|----------------------|
| | Trả trước cho người bán – bên liên quan | 28.668.000 | - |
| | Trả trước cho người bán – bên thứ ba | 3.185.983.749 | 1.319.775.417 |
| | | 3.214.651.749 | 1.319.775.417 |
| 4.5 | Các khoản phải thu khác | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
| | Phải thu lãi cho vay | 357.390.000 | 253.022.000 |
| | Phải thu thuế thu nhập cá nhân | - | 371.329.273 |
| | Phải thu khác | - | 1.806.582 |
| | | 357.390.000 | 626.157.855 |
| 4.6 | Hàng tồn kho | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
| | Nguyên vật liệu | 125.654.500 | 53.686.500 |
| | Công cụ, dụng cụ | 2.000.000 | 11.039.000 |
| | Hàng hóa | 735.000 | 700.000 |
| | Cộng giá gốc hàng tồn kho | 128.389.500 | 65.425.500 |
| | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| | Giá trị thuần | 128.389.500 | 65.425.500 |
| 4.7 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
| | Chi phí công cụ, dụng cụ | 80.963.635 | - |
| 4.8 | Tài sản ngắn hạn khác | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
| | Tạm ứng nhân viên | 259.251.300 | 184.342.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------|---|------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2012 | 28.617.391.408 | 1.426.380.238 | 1.009.045.273 | 638.504.232 | 31.691.321.151 |
| Mua trong kỳ | - | 270.271.636 | - | 176.623.545 | 446.895.181 |
| Xây dựng cơ bản hoàn thành | 65.776.730 | - | - | - | 65.776.730 |
| Giảm khác | (54.459.293) | - | - | - | (54.459.293) |
| Vào ngày 30/06/2012 | 28.628.708.845 | 1.696.651.874 | 1.009.045.273 | 815.127.777 | 32.149.533.769 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2012 | 15.212.253.067 | 1.050.037.887 | 1.009.045.273 | 556.143.122 | 17.827.479.349 |
| Khấu hao tăng trong kỳ | 1.680.645.258 | 87.360.397 | - | 31.278.622 | 1.799.284.277 |
| Vào ngày 30/06/2012 | 16.892.898.325 | 1.137.398.284 | 1.009.045.273 | 587.421.744 | 19.626.763.626 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2012 | 13.405.138.341 | 376.342.351 | - | 82.361.110 | 13.863.841.802 |
| Vào ngày 30/06/2012 | 11.735.810.520 | 559.253.590 | - | 227.706.033 | 12.522.770.143 |

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.608.691.281 VND.

4.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Giá trị lợi thế kinh doanh của DN VND | Phần mềm máy tính VND | Hệ thống quản lý chất lượng Iso 9001-2008 VND | Cộng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|--|----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2012 | 1.046.686.000 | 1.425.873.503 | 284.613.887 | - | 2.757.173.390 |
| Mua trong kỳ | - | - | - | 113.300.000 | 113.300.000 |
| Vào ngày 30/06/2012 | 1.046.686.000 | 1.425.873.503 | 284.613.887 | 113.300.000 | 2.870.473.390 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2012 | 1.046.686.000 | 1.425.873.503 | 171.586.030 | - | 2.644.145.533 |
| Khấu hao tăng trong kỳ | - | - | 30.661.386 | 15.736.110 | 46.397.496 |
| Vào ngày 30/06/2012 | 1.046.686.000 | 1.425.873.503 | 202.247.416 | 15.736.110 | 2.690.543.029 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2012 | - | - | 113.027.857 | - | 113.027.857 |
| Vào ngày 30/06/2012 | - | - | 82.366.471 | 97.563.890 | 179.930.361 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu kỳ | Tăng trong kỳ | Kết chuyển TSCĐ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--|--------------------|-------------------|-----------------------------|--------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Xây dựng cơ bản dở dang | | | | |
| - Công trình nâng cấp bãi lên xuống bến xe Miền Tây | - | 30.688.562 | (30.688.562) | - |
| - Công trình cải tạo hệ thống thoát nước | 198.722.727 | 35.088.168 | (35.088.168) | 198.722.727 |
| - Công trình cải tạo sửa chữa vỉa hè bến xe Miền Tây | - | 1.519.288 | - | 1.519.288 |
| - Công trình cải tạo nhà ga bến xe Miền Tây | 33.210.596 | 10.160.000 | - | 43.370.596 |
| | 231.933.323 | 77.456.018 | (65.776.730) | 243.612.611 |

4.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | | 30/06/2012 | 01/01/2012 |
|-----------------------------|-----|-----------------------|-----------------------|
| | | VND | VND |
| Đầu tư vào công ty liên kết | (a) | 11.876.232.404 | 7.533.882.404 |
| Đầu tư dài hạn khác | (b) | 30.000.000.000 | 19.000.000.000 |
| | | 41.876.232.404 | 26.533.882.404 |

(a) Đây là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần xe khách và dịch vụ miền Tây để nắm giữ 1.134.425 cổ phần. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty số 03/2011/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 01 năm 2011, vốn góp của Công ty trong công ty này sẽ là 12 tỷ đồng để nắm giữ 1.200.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND (tương ứng 20% vốn điều lệ).

(b) Cho Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn vay 30.000.000.000 VND theo hợp đồng vay vốn số 68/HĐVV -SC ngày 09 tháng 4 năm 2012 và phụ lục số 106/PLHĐVV-SC ngày 28 tháng 6 năm 2012 với số tiền cho vay được chuyển từ số dư nợ vay của các hợp đồng vay vốn số 25/HĐVV - SC ngày 28 tháng 01 năm 2011, số 33/HĐVV - SC ngày 22 tháng 3 năm 2011:

Số tiền cho vay : 30.000.000.000 VND
 Lãi suất cho vay : 1,083%/tháng, tương đương 13%/năm (chưa bao gồm thuế GTGT), trả lãi hàng tháng. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2012, lãi suất cho vay là 0,84%/tháng, tương đương 10%/năm (chưa bao gồm thuế GTGT). Lãi suất sẽ điều chỉnh hàng tháng theo lãi suất thay đổi của ngân hàng.
 Mục đích cho vay : bổ sung vốn kinh doanh

4.13 Phải trả người bán

| | 30/06/2012 | 01/01/2012 |
|---------------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả nhà cung cấp/ hàng hóa | 7.532.800 | - |
| Phải trả nhà cung cấp/ dịch vụ | 397.424.321 | 1.102.657.190 |
| | 404.957.121 | 1.102.657.190 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 579.395.919 | 528.974.087 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.183.006.367 | 1.456.179.290 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 22.151.909 | - |
| | <u>2.784.554.195</u> | <u>1.985.153.377</u> |

4.15 Chi phí phải trả

| | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Trích bổ sung tiền thuê đất năm 2011 | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 |
| Trích bổ sung tiền thuê đất 6 tháng đầu năm 2012 | 1.724.962.200 | - |
| Trích trước tiền đồng phục | 412.500.000 | - |
| Khác | 67.366.869 | 29.318.200 |
| | <u>5.004.829.069</u> | <u>2.829.318.200</u> |

Theo hợp đồng thuê đất số 5863/HĐ-TNMT-DKKTĐ ngày 13 tháng 8 năm 2009 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty có thuê 47.392,40 m² đất tại số 395 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân trong thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 11/01/2002 để sử dụng làm bến xe với giá tiền thuê đất ổn định trong 05 năm: từ ngày 27/7/2006 đến ngày 26/7/2011 là 69.000 đồng/m²/ năm. Từ ngày 27/7/2011 trở về sau giá tiền thuê đất được xác định lại theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính Phủ, đơn giá đất để tính tiền thuê được xác định sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường. Trong thời gian chờ hoàn tất các thủ tục để trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xác định đơn giá thuê theo giá thị trường, Công ty tạm trích bổ sung tiền thuê cho thời gian từ 27/7/2011 đến ngày 31/12/2011 theo mức giá gấp 03 lần và cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 theo mức giá gấp 02 lần của mức giá cùng kỳ của năm 2010.

4.16 Các khoản phải trả, phải nộp khác

| | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Thu hộ tiền bán vé của các doanh nghiệp vận tải | 1.101.413.850 | 414.824.850 |
| Cổ tức phải trả | 31.200.000 | 7.500.083.333 |
| Kinh phí công đoàn | 34.084.491 | 42.342.245 |
| Bảo hiểm xã hội | 1.597.071 | - |
| Tài sản thừa chờ xử lý | - | 540.800 |
| Phải trả tiền ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng | 17.425.590 | 17.425.590 |
| | <u>1.185.721.002</u> | <u>7.975.216.818</u> |

4.17 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

| | 6 tháng đầu 2012 VND | 6 tháng đầu 2011 VND |
|-------------------|-------------------------|-------------------------|
| Số dư đầu kỳ | 1.696.305.090 | 1.792.624.888 |
| Tăng trong kỳ | 35.430.000 | - |
| Chi trong kỳ | (1.701.980.000) | (1.694.787.678) |
| Số cuối kỳ | <u>29.755.090</u> | <u>97.837.210</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4.18 Phải trả dài hạn khác

| | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | <u>1.743.055.936</u> | <u>1.402.684.081</u> |

4.19 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của CSH VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Quỹ khác thuộc vốn CSH VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng VND |
|---|------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước(01/01/2011) | 25.000.000.000 | 14.829.259.790 | 2.561.620.134 | - | 10.547.113.474 | 52.937.993.398 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 18.504.467.415 | 18.504.467.415 |
| Trích quỹ trong năm trước | - | 2.776.270.321 | - | - | (2.776.270.321) | - |
| Trích cổ tức năm nay | - | - | - | - | (7.500.000.000) | (7.500.000.000) |
| Trích thù lao của HĐQT và các thành viên không trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh | - | - | - | - | (203.663.204) | (203.663.204) |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (1.850.846.880) | (1.850.846.880) |
| Trích quỹ khen thưởng ban điều hành | - | - | - | - | (500.000.000) | (500.000.000) |
| Số dư cuối năm trước (31/12/2011) | <u>25.000.000.000</u> | <u>17.605.530.111</u> | <u>2.561.620.134</u> | <u>-</u> | <u>16.220.800.484</u> | <u>61.387.950.729</u> |
| Số dư đầu kỳ này(01/01/2012) | 25.000.000.000 | 17.605.530.111 | 2.561.620.134 | - | 16.220.800.484 | 61.387.950.729 |
| Lãi trong kỳ này | - | - | - | - | 13.540.882.792 | 13.540.882.792 |
| Số dư cuối kỳ này (30/6/2012) | <u>25.000.000.000</u> | <u>17.605.530.111</u> | <u>2.561.620.134</u> | <u>-</u> | <u>29.761.683.276</u> | <u>74.928.833.521</u> |

Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận

| | 30/06/2012 VND | 01/01/2012 VND |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu kỳ | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| Vốn góp cuối kỳ | <u>25.000.000.000</u> | <u>25.000.000.000</u> |

Cổ tức, lợi nhuận năm 2011 đã chi trả cho cổ đông trong năm 2012 là 7.468.800.000 VND.

Cổ phiếu

| | 6 tháng đầu 2012 Cổ phiếu | 6 tháng đầu 2011 Cổ phiếu |
|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 2.500.000 | 2.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 2.500.000 | 2.500.000 |
| - Cổ phiếu thường | 2.500.000 | 2.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.500.000 | 2.500.000 |
| - Cổ phiếu thường | 2.500.000 | 2.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

| | 6 tháng đầu 2012 VND | 6 tháng đầu 2011 VND |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ: | | |
| <i>Doanh thu xe ra, vào bến</i> | 21.191.902.147 | 11.008.489.083 |
| <i>Doanh thu cho thuê ki ốt</i> | 6.263.571.034 | 5.335.639.206 |
| <i>Doanh thu hoa hồng bán vé</i> | 2.207.054.672 | 2.021.806.335 |
| <i>Doanh thu xe đậu đêm</i> | 537.678.000 | 543.188.000 |
| <i>Doanh thu vệ sinh bến bãi</i> | 3.296.832.448 | 2.718.975.845 |
| <i>Doanh thu giữ xe</i> | 924.713.656 | 935.681.836 |
| <i>Doanh thu khác</i> | 885.549.994 | 331.377.276 |
| | <u>35.307.301.951</u> | <u>22.895.157.581</u> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần | <u>35.307.301.951</u> | <u>22.895.157.581</u> |

5.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | 6 tháng đầu 2012 VND | 6 tháng đầu 2011 VND |
|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 1.983.826.392 | 1.678.543.519 |
| Lãi cho vay | 1.672.208.700 | 1.169.498.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 449.188.500 | 398.932.500 |
| | <u>4.105.223.592</u> | <u>3.246.974.019</u> |

5.3 Thu nhập khác

| | 6 tháng đầu 2012 VND | 6 tháng đầu 2011 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Thu từ cung cấp dịch vụ cho các DN vận tải | 320.069.747 | 356.666.323 |
| Thu khác | 285.861.404 | 85.083.291 |
| | <u>605.931.151</u> | <u>441.749.614</u> |

5.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

| | 6 tháng đầu 2012 VND | 6 tháng đầu 2011 VND |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 17.904.994.297 | 12.518.312.966 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN: | | |
| <i>Cộng các khoản chi phí không được trừ</i> | 640.222 | 504.723 |
| <i>Trừ thu nhập không chịu thuế</i> | 449.188.500 | 398.932.500 |
| Tổng thu nhập chịu thuế | <u>17.456.446.019</u> | <u>12.119.885.189</u> |
| Thuế suất thuế TNDN | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp | 4.364.111.505 | 3.029.971.298 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>4.364.111.505</u> | <u>3.029.971.298</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

| 5.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 6 tháng đầu 2012 | 6 tháng đầu 2011 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND) | 13.540.882.792 | 9.488.341.668 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 13.540.882.792 | 9.488.341.668 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) | 2.500.000 | 2.500.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) | <u>5.416</u> | <u>3.795</u> |
| | | |
| 5.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | 6 tháng đầu 2012 | 6 tháng đầu 2011 |
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 162.266.209 | 21.546.824 |
| Chi phí nhân viên | 14.124.204.948 | 7.463.324.532 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.845.681.773 | 1.419.514.808 |
| Tiền thuê đất | 3.360.000.000 | 1.638.037.800 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.620.669.245 | 3.522.639.561 |
| | <u>22.112.822.175</u> | <u>14.065.063.525</u> |

6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là khai thác và kinh doanh bến xe và ở khu vực địa lý duy nhất là thành phố Hồ Chí Minh.

7. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro đáng kể liên quan đến rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30/6/2012 và ngày 31/12/2011.

8. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 30/6/2012 VND | 31/12/2011 VND | 30/6/2012 VND | 31/12/2011 VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 24.997.039.294 | 20.350.140.898 | 24.997.039.294 | 20.350.140.898 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 2.428.275.438 | 1.222.047.110 | 2.428.275.438 | 1.222.047.110 |
| | <u>27.425.314.732</u> | <u>21.572.188.008</u> | <u>27.425.314.732</u> | <u>21.572.188.008</u> |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 404.957.121 | 1.102.657.190 | 404.957.121 | 1.102.657.190 |
| Chi phí phải trả và phải trả khác | 6.208.643.807 | 12.207.219.099 | 6.208.643.807 | 12.207.219.099 |
| | <u>6.613.600.928</u> | <u>13.309.876.289</u> | <u>6.613.600.928</u> | <u>13.309.876.289</u> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

9. THÔNG TIN KHÁC

9.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

| Công ty liên quan | Nội dung nghiệp vụ | VND |
|---|--|---------------|
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn | Thu lãi cho vay | 1.672.208.700 |
| | Cho vay | 9.000.000.000 |
| | Chuyển dư nợ cho vay ngắn hạn sang cho vay dài hạn | 2.000.000.000 |
| | Trả cổ tức | 3.825.000.000 |
| | | |
| Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Quận 8 | Thanh toán tiền thi công | 3.339.898 |
| Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng và Giao Thông Mê Kông | Ứng trước tiền dịch vụ | 28.668.000 |
| Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây | Nhận cổ tức | 449.188.500 |
| | Cung cấp dịch vụ | 1.157.268.137 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

| Công ty liên quan | Nội dung nghiệp vụ | VND |
|--|---------------------------------------|---------------------------|
| Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn Công ty Ô Tô Isuzu Việt Nam | Cung cấp dịch vụ Cho thuê mặt bằng | 865.475.455 18.181.818 |
| Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines | Cung cấp dịch vụ | 384.779.493 |

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

| Công ty liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Phải thu/ (Phải trả) VND |
|---|------------------------|-----------------------------|
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn | Cho vay dài hạn | 30.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Quận 8 | Phải trả tiền thi công | (199.417.605) |
| Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng và Giao Thông Mê Kông | Ứng trước tiền dịch vụ | 28.668.000 |
| Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines | Phải thu tiền dịch vụ | 56.323.351 |

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

| | 6 tháng đầu 2012 VND | 6 tháng đầu 2011 VND |
|-----------------|-------------------------|-------------------------|
| Lương và thưởng | 504.605.902 | 513.239.200 |

9.2 Sự kiện khác

Theo Biên bản họp số 15/BB-LS ngày 06 tháng 12 năm 2011 giữa Sở Giao thông Vận tải và Tổng Công ty Samco về xác định mục tiêu, chức năng nhiệm vụ, nhu cầu và quy mô diện tích quy hoạch xây dựng lại bến bãi tại khu đất Bến xe Miền Đông và Bến xe Miền Tây hiện hữu, đối với Bến xe Miền Tây được kiến nghị: sau khi hoàn thành việc xây dựng di dời bến xe ra địa điểm mới tại Tân Quý Tây (Bình Chánh) thì sẽ đầu tư xây dựng lại bến bãi tại khu đất Bến xe Miền Tây hiện hữu. Bến xe Miền Tây hiện hữu có tổng diện tích hiện có là 47.392,4 m² (trong đó có 1.166 m² thuộc lộ giới theo quy hoạch), sau khi xác định diện tích cần thiết để đáp ứng phục vụ cho quy hoạch mạng lưới vận tải công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố và quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020 là 33.313 m² thì phần diện tích còn lại là 12.913,4 m² sẽ tổ chức bán đấu giá theo quy định nhằm tạo vốn đầu tư cho dự án bến xe mới.

ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
 Kế toán trưởng

KIỀU NAM THÀNH
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2012